

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2023 - 2024
Tuần 10: từ ngày 16/10/2023 đến ngày 22/10/2023

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY						
K7-VDTY P.303	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> Thực tập cơ bản (Hung)	1 4	4 Thực tập cơ bản (Hung)	4 Thực tập cơ bản (Hung)	4 Thực tập cơ bản (Hung)
	Chiều	Thực tập cơ bản (Hung)	4	4 Thực tập cơ bản (Hung)	4 Thực tập cơ bản (Hung)	4 Thực tập cơ bản (Hung)
K8-DV/TY K9-DV/TY P.304	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> KTNPBT cho gà vịt (Hòa)	1 3	4 KTTG (Hàng)	4 Vệ sinh TY (Duyên)	4 Quản trị kinh doanh (Thúy)
	Chiều	KTNPBT cho gà vịt (Hòa)	3	4 Quản trị kinh doanh (Thúy)	4 Vệ sinh TY (Duyên)	4 Quản trị kinh doanh (Thúy)
K9-KTDN K8-KTDN P.302	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> Thống kê DN (Thúy)	1 3	4 Tin học kế toán (Mai)	4 Kế toán DN2 (Q.Mai)	4 Kế toán NSXP (Hoa)
	Chiều	Thống kê DN (Thúy)	3	4 Kế toán DN1 (P.Thảo)	4 Kế toán DN2 (Q.Mai)	4 Kế toán NSXP (Hoa)
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT62A1 P.301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> Cây dược liệu (Bình)	1 3	4 Cây rau (Nga)	4 Bệnh cây CK (Hương)	4 Khí tượng NN (Lưu)
	Chiều	Cây dược liệu (Bình)	3	4 Cây rau (Nga)	4 Bệnh cây CK (Hương)	4 Khí tượng NN (Lưu)
TT63A1 P.201	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> Đất trồng - phân bón (Hương)	1 3	4 Tin học (Hà)	4 Tiếng anh (Linh)	4 Pháp luật (Huyền)
	Chiều	Đất trồng - phân bón (Hương)	3	4 Tin học (Hà)	4 Tiếng anh (Linh)	4 Pháp luật (Huyền)
CNTY62A1 P.204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> KTNPBT cho gà vịt (Duyên)	1 3	4 Quản trị kinh doanh (Thúy)	4 KTNPTB cho gà vịt (Duyên)	4 KTNPTB cho lợn (Nga)
	Chiều	KTNPBT cho gà vịt (Duyên)	3	4 Quản trị kinh doanh (Thúy)	4 KTNPTB cho gà vịt (Duyên)	4 KTNPTB cho lợn (Nga)
CNTY62A3 P.205	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> KTNPBT cho chó mèo (Lệ)	1 3	4 KTNPTB cho trâu bò (Phượng)	4 Ký sinh trùng TY (Hòa)	4 KTNPTB cho chó mèo (Lệ)
	Chiều	KTNPBT cho chó mèo (Lệ)	3	4 KTNPTB cho trâu bò (Phượng)	4 Ký sinh trùng TY (Hòa)	4 KTNPTB cho chó mèo (Lệ)
CNTY63A1 P.101	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> GPSL vật nuôi (Nga)	1 3	4 DD và thức ăn CN (Phượng)	4 Tiếng anh (K.Nhung)	4 GPSL vật nuôi (Nga)
	Chiều	GPSL vật nuôi (Nga)	3	4 DD và thức ăn CN (Phượng)	4 Tiếng anh (K.Nhung)	4 GPSL vật nuôi (Nga)
CNTY63A3 P.102	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> Định dưỡng thức ăn (Lệ)	1 3	4 GPSL vật nuôi (Hàng)	4 Chính trị (Quế)	4 Tiếng anh (Linh)
	Chiều	Định dưỡng thức ăn (Lệ)	3	4 GPSL vật nuôi (Hàng)	4 Chính trị (Quế)	4 Tiếng anh (Linh)
CNTY63A4 P.103	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> Khuyến nông (Lịch)	1 4	4 Pháp luật (Huyền)	3 GPSL vật nuôi (Hàng)	5 DD thức ăn CN (Hòa)
	Chiều	Khuyến nông (Lịch)	4	4 Pháp luật (Huyền)	2 GPSL vật nuôi (Hàng)	2 DD thức ăn CN (Hòa)

KTDN62A P.302	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp Thống kê DN (Thúy)	1 3	Tin học kế toán (Mai)	4	Kế toán DN1 (P.Thảo)	4	Kế toán DN2 (Q.Mai)	4	Kế toán NSXP (Hoa)	4
KTDN62B	Sáng Chiều	Kế toán DN2 (T.Thảo)	5	Kế toán DN1 (Dung)	5	Tin học kế toán (Mai)	5	Kế toán DN2 (T.Thảo)	5	Kế toán DN1 (Dung)	5
KTDN63A P.104	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp Kỹ năng mềm (Son)	1 3	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Tin học (Hà)	4	Kinh tế vi mô (Thúy)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4
KTDN63B	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp Nguyên lý TK (Mai)	1 3	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Tin học (Quang)	4	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Kinh tế vi mô (Thảo)	4
CNTT62A P.THTH	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp HĐH Windows Sever (Phuong)	1 3	XD và QL Website (Quang)	4	Lập trình Window (Thảo)	4	Lắp ráp và bảo trì máy tính (Quang)	4	XD phần mềm QL BH (Hà)	4
CNTT63A1 P.203	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp Pháp luật (Nga)	1 3	Chính trị (Quế)	4	Tiếng anh (Ly) Kỹ năng mềm (Son)	2 2	Tin học VP (Phuong)	4	Tiếng anh (Ly) GDTC (Thúy)	2 2
CNTT63A2 P.202	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp Chính trị (Thắm)	1 3	Tiếng anh (Linh)	4	Tin học (Phuong)	4	GDTC (Hội)	4	Tin học (Phuong)	4
ĐCN62A P.A101	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp Cung cấp điện (Đ.Đức)	1 3	Trang bị điện (Nga)	5	Cung cấp điện (Đ.Đức)	5	Kỹ thuật điện tử (Dương)	5	Cung cấp điện (Đ.Đức)	5
ĐCN62B	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp Trang bị điện (Nga)	1 4	Cung cấp điện (Đ.Đức)	5	Kỹ thuật điện tử (Dương)	5	Cung cấp điện (Đ.Đức)	5	Trang bị điện (Nga)	5
ĐCN63A1 P.A102	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp Pháp luật (Huyền)	1 3	GDQP - AN (Mạnh)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4
ĐCN63A2 P.A301	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp Tin học (Hà)	1 3	Mạch điện (Huyền)	4	Pháp luật (Huyền)	4	Mạch điện (Huyền)	4	Chính trị (Quốc)	4
ĐCN63A3 P.A302	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp GDTC (Hội)	1 3	Pháp luật (Huyền)	4	Mạch điện (A.Đức)	4	An toàn điện (Thắng)	4	Mạch điện (A.Đức)	4
ĐCN63B	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp Mạch điện (Huyền)	1 3	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Tin học (Quang)	4	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Mạch điện (Huyền)	4

TL62	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> Duy tu, BDCT thủy lợi (Hòa)	1	KT thi công công trình thủy lợi (N.Đức)	5	Thiết bị điện trong hệ thống thủy lợi (Hòa)	5
	Chiều		4				
TL63B	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp</i> KT An toàn LĐ (Hòa)	1	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Tin học (Quang)	4
CBTS 63	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp</i> Vi sinh vật TP (Liên)	1	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Tin học (Quang)	4
KTMTT63	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp</i> Vẽ kỹ thuật (Bình)	1	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Tin học (Quang)	4
ĐKTB63	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp</i> Vẽ kỹ thuật (Bình)	1	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Tin học (Quang)	4
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN							
THỨ		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
LỚP							
TT62A2	Sáng	Cây công nghiệp (Thọ)	5	<i>Sinh hoạt lớp</i> Côn trùng CK (Huệ)	4	Giống cây trồng (Huyền)	4
TT63A2	Chiều	Hóa BVTV (Nga)	4	Khuyến nông (Bình)	4	Hóa BVTV (Nga)	4
P.305	Sáng	Khuyến nông (Tuyết)	4	<i>Sinh hoạt lớp</i> KTNPB cho lợn (Hưng)	4	KT TG (Lệ)	4
CN62A2	Chiều	Dược lý TY (Duyên)	4	KTNPB cho lợn (Hưng)	4	Dược lý TY (Duyên)	4
CN63A2	Sáng	VHCBHDL chính D.TT (Đồng)	5	Khai thác nôi hơi TT (Bình)	4	VHCBHDL chính D.TT (Đồng)	4
P.303	Chiều	VHCBHDL chính D.TT (Đồng)	4	Khai thác nôi hơi TT (Bình)	4	VHCBHDL chính D.TT (Đồng)	4
KTMTT62	Sáng	Bảo vệ môi trường biển (Tâm)	5	Điều động tàu (Trung)	4	Thủy nghiệp (Tiến)	4
ĐKTB62	Chiều	Thủy nghiệp (Tiến)	4	Điều động tàu (Trung)	4	Thủy nghiệp (Tiến)	4

KT-HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lâm Thị Hương



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2023 - 2024
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Tuần 10: từ ngày 16/10/2023 đến ngày 22/10/2023

THỨ		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
LỚP						
VH61B P.A202	Chiều	Sinh hoạt lớp Toán (Quý)	1 Địa lý (Ngọc) 3 Ngữ văn (H.Hà)	2 2		Vật lý (Hòa) Lịch sử (Dự) 2 2
	Sáng	Sinh hoạt lớp Ngữ văn (Hằng) Toán (Nhưng)	1 4 4	4 Lịch sử (Dự) Lịch sử (Dự)		Toán (Nhưng) Hóa học (Thủy) 4 4
VH62B1 P.204	Chiều	Sinh hoạt lớp CDLC Ngữ văn (H.Hà)	1 3	4 Toán (Tú)	4 GDKT và PL (Quyên)	4 Địa lý (Sáu)
VH62B3 P.A101	Chiều	Ngữ văn (Tâm)	4 Lịch sử (Giang)	4 Toán (Tú)	4 Địa lý (Nhài)	4 Sinh hoạt lớp Sinh học (Phượng)
VH62B4	Chiều	Ngữ văn (Hằng)	4 Vật lý (Vân)	4 Hóa học (Thủy)	4 Địa lý (Thủy)	4 Sinh hoạt lớp CGKT và PL (Quyên)
VH62B5 P.301	Chiều	Lịch sử (Giang)	4 Địa lý (Nhài)	4 GDKT và PL (Thủy) Sinh học (Nga)	2 2 GDKT và PL (Quyên) Toán (Quý)	2 2 Ngữ văn (Tâm)
VH63B4 P.103	Chiều	Sinh hoạt lớp Ngữ văn (Hường)	1 3 Toán (Quý) CDLC Lịch sử (Dự)	2 2 Hóa học (Hà) GDKT và PL (Nga)	2 2 Toán (Quý) Sinh học (Phượng)	2 2 CDLC Địa lý (Nhài) Địa lý (Nhài)
VH63B1	Sáng	Hóa học (Thủy)	4 Toán (Nhưng)	4 Vật lý (Hòa)	4 GDKT và PL (Thủy)	1 4 Sinh hoạt lớp Ngữ văn (Hằng)
VH63B2 P.101	Sáng	Sinh hoạt lớp Toán (Nhưng) CDLC Lịch sử (Dự)	1 2 2 GDKT và PL (Quyên) Sinh học (Nga)	3 2 Ngữ văn (Hường) Toán (Nhưng)	3 2 CDLC Lịch sử (Dự) Ngữ văn (Hường)	3 2 Ngữ văn (Hường) CDLC Địa lý (Sáu)
VH63B3 P.102	Sáng	Sinh hoạt lớp Ngữ văn (Hường) Toán (Nhưng)	1 2 2 Sinh học (Nga) CDLC Ngữ văn (Hường)	3 2 GDKT và PL (Quyên) CDLC Ngữ văn (Hường)	3 2 Toán (Nhưng) Hóa học (Hà)	3 2 Địa lý (Sáu) Lịch sử (Dự)
VH63B5 P.A102	Sáng	Sinh hoạt lớp Hóa học (Hà) Toán (Quý)	1 2 2 Toán (Quý) Lịch sử (Giang)	3 2 Địa lý (Nhài)	3 2 GDKT và PL (Nga) Vật lý (Hòa)	5 2 Ngữ văn (Tâm)



VH63B6 P.203	Sáng	Sinh hoạt lớp Vật lý (Hòa) Lịch sử (Giang)	1 2 2	Lịch sử (Giang) Toán (Quý)	3 2	Ngữ văn (H.Hà) Toán (Quý)	3 2	CĐLC Ngữ văn (H.Hà) Địa lý (Chung)	3 2	Ngữ văn (H.Hà) GDKT và PL (Nga)	3 2
VH63B7 P.202	Sáng	Sinh hoạt lớp CĐLC Lịch sử (Giang) Vật lý (Hòa)	1 2 2	Ngữ văn (H.Hà) Vật lý (Hòa)	3 2	Toán (Nhưng) Ngữ văn (H.Hà)	3 2	Địa lý (Chung) Toán (Nhưng)	3 2	GDKT và PL (Nga) Ngữ văn (H.Hà)	3 2
VH63B8 P.104	— Sáng	Sinh hoạt lớp GDKT và PL (Nga) Ngữ văn (Hương)	1 2 2	Ngữ văn (Hương) Toán (Hương)	3 2	Lịch sử (Dự) Sinh học (Phượng)	3 2	Địa lý (Nhài)	5	CĐLC Lịch sử (Dự) Toán (Hương)	3 2

Ghi chú: Bắt đầu từ thứ 2 ngày 16/10/2023 vào học theo giờ mùa đông: buổi sáng vào học lúc 7h15', buổi chiều vào học lúc 13h30'.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Lâm Thị Hương

